

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự Do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-PT

Ngày: 15-3-2018

V/v: “*Tranh chấp về BTTH ngoài hợp đồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên Tòa: Ông Dương Quốc Thành– Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/01/2018, ngày 09/3/2018 và ngày 15/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2017/TLPT- DS ngày 02/10/2017 về việc: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
2. Bị đơn: Bà Mai Thị A, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Nguyễn Quỳnh N– Công ty Luật TNHH MTV B.
Địa chỉ: 45 tổ 8, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh B
3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Đỗ Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Bà Đỗ Thị D trình bày:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2017 và bản tự khai đề ngày 15/3/2017, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Vào ngày 05/10/2015 bà D có nhận cháu Đỗ Đăng K (là con đẻ của chị Bùi Thị V) làm con nuôi và đã được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và Giấy khai sinh cho cháu K. Ngày 24/11/2016 bà D có đơn xin hưởng chế độ nuôi con nuôi và được Bảo hiểm xã hội huyện B giải quyết chế độ thai sản theo quy định, cụ thể bà được nhận số tiền là 35.346.930 đồng và nghỉ từ ngày 05/10/2015 đến ngày 25/3/2016. Tuy nhiên, do có thù hằn từ trước với bà D nên Bà Mai Thị A có đơn gửi đến Công an xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước tố cáo bà D có hành vi gian lận trong việc nuôi con nuôi, làm giấy tờ nhận nuôi con giả để hưởng chế độ thai sản và tố cáo về việc cháu K mất tích. Ngoài ra bà A còn tố cáo Công đoàn và Hiệu trưởng Trường tiểu học H bao che để bà D hưởng chế độ thai sản. Bà D cho rằng vì việc tố cáo trên đây của bà A mà bà D bị Công an xã P triệu tập làm việc rất nhiều lần dẫn đến bị stress nặng rất mệt mỏi, ngoài ra còn gây mất uy tín, danh dự của bà. Kết quả qua xác minh, Công an xã P trả lời: Bảo hiểm xã hội huyện giải quyết chế độ thai sản là đúng quy định pháp luật. Hành vi vu khống, tố cáo sai sự thật của bà A ảnh hưởng rất lớn tới danh dự, uy tín, nhân phẩm của bà D. Nay bà D yêu cầu Tòa án buộc Bà Mai Thị A công khai xin lỗi và bồi thường cho bà một số tiền là 74.870.000 đồng, trong đó chi phí thuê luật sư số tiền là 30.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần số tiền là 40.968.000 đồng, tiền thuốc là 3.902.630 đồng.

Bị đơn, Bà Mai Thị A trình bày:

Theo bản tự khai đề ngày 08/02/2017 bà A và Bà Đỗ Thị D là giáo viên cùng dạy tại trường Tiểu học H, xã P cũng là hàng xóm. Vào khoảng cuối năm 2015 bà D có nhận cháu Đỗ Đăng K làm con nuôi và được Bảo hiểm xã hội huyện B giải quyết hưởng chế độ thai sản. Tuy nhiên cháu K ở với bà D được khoảng 02 tháng thì bà thấy có người đến nhà cô D to tiếng về chuyện cô D nuôi cháu bé. Từ ngày đó không nghe thấy cháu K khóc nữa, bà A có hỏi thì bà D trả lời bà vẫn nuôi và vẫn phơi quần áo của cháu nhưng không thấy cháu đâu. Do vậy bà A đã làm đơn trình báo lên Ban Công an xã P về việc vắng mặt bất thường của cháu K, ngày 15/11/2016 Ban Công an xã P có văn bản trả lời cháu K đã được mẹ ruột là chị Bùi Thị V đón đi hiện cháu không có ở địa phương.

Bà A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D yêu cầu công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại vì bà cho rằng bà chỉ trình báo sự việc lên cấp có thẩm quyền đúng quy định pháp luật chứ không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín gì của bà D.

Phần trình bày của người làm chứng bà Bùi Thị V:

Cháu Đỗ Đăng K là con ruột của bà, do hoàn cảnh khó khăn nên ngày 05/10/2015 bà đã cho Bà Đỗ Thị D nhận cháu K làm con nuôi và đã được UBND xã T, thị xã Đ làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định pháp luật, nhưng một thời gian sau (khoảng hơn 02 tháng) thì bà có đến xin bà D nhận lại con và có đưa

cho bà D 60 triệu đồng. Bà và bà D chưa làm lại thủ tục về việc từ bỏ việc nuôi con nuôi của bà D mà hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Về tranh chấp giữa bà D với bà A, bà không có ý kiến gì. Do ở xa nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đỗ Thị D về việc yêu cầu Bà Mai Thị A bồi thường tiền tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín và hóa đơn tiền thuốc tổng cộng 74.870.000đồng và công khai xin lỗi trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2017, nguyên đơn Bà Đỗ Thị D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng buộc Bà Mai Thị A phải công khai xin lỗi bà và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của bà. Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị D; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

I.Đủ căn cứ để xác định về sự việc nhận nuôi con nuôi, việc hưởng chế độ thai sản của bà D và nội dung đơn trình báo của bà A, như sau:

I.1: Bà Đỗ Thị D nhận cháu Đỗ Đăng K (sinh ngày 26/9/2015) là con ruột của bà Bùi Thị V làm con nuôi và đã được UBND xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, cùng ngày bà D đã đưa cháu K về ở với mình tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước để nuôi dưỡng.

Ngày 14/12/2015, bà Bùi Thị V xin nhận lại con và được bà D đồng ý.

Ngày 12/9/2016, Bà Mai Thị A làm đơn trình báo công an xã P (BL 09) có nội dung đề nghị xác minh làm rõ việc cháu K được bà D nhận nuôi nhưng vắng mặt tại địa phương và việc kê khai việc hưởng chế độ thai sản của bà D.

I.2 : Như vậy việc nhận nuôi con nuôi của bà D là có thật và bà D đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 22 Luật nuôi con nuôi và hướng dẫn tại Điều 10 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. Sau khi nhận nuôi cháu K, bà D đã nuôi và chăm sóc cháu K như con đẻ của mình (Xác nhận tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/02/2017 bút lục 23 của bà V). Theo Công văn số 720/BHXXH – CD ngày 19/12/2017 của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước thì việc Bảo hiểm xã hội huyện B giải quyết chế độ nhận nuôi con nuôi đối với Bà Đỗ Thị D với số tiền 35.346.390 đồng; thời gian nghỉ thai sản từ ngày 05/10/2015 đến ngày 25/3/2016 (Khi cháu Đỗ Đăng K đủ 06 tháng tuổi) là đúng theo quy định pháp luật.

Sau khi nuôi dưỡng cháu K được 02 tháng 10 ngày, Bà Đỗ Thị D đã đồng ý cho bà Vân nhận lại con (cháu K). Việc bà D cho bà Vân và ông Vũ Công Chính nhận nuôi lại cháu K là con đẻ của ông Vũ Công Chính, bà Vân trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và đúng quy định của pháp luật.

II. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc bà A thực hiện chức trách của một công dân để phòng ngừa và tố giác tội phạm khi làm đơn trình báo đến công an xã về việc cháu K không có mặt tại địa phương nên không phải việc làm trái pháp luật nên hành vi của bà A hoàn toàn không có lỗi nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến việc đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, bởi các lẽ sau:

II.1: Bà D và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và trình bày các căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện cho rằng: hành vi vu khống, tố cáo sai sự thật của bà A đã làm ảnh hưởng rất lớn đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà D nên đề nghị sửa án sơ thẩm buộc bà A phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện (74.870.360 đồng). Bà D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp xác định hành vi vu khống tố cáo sai sự thật của bà A được thực hiện thông qua việc phản ánh tại Hội đồng trường tiểu học H và tố cáo tại Công an xã P.

II.2: Đối với nhận định và đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm về việc bà A làm đơn trình báo với Công an xã P; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét nội dung trình báo của bà A trong đơn mà không xem xét thời gian, hoàn cảnh dẫn đến việc bà A làm đơn trình báo để đánh giá bản chất sự việc. Theo nội dung sự việc mà các bên trình bày thì giữa bà A và bà D vừa là đồng nghiệp (Là giáo viên cùng dạy học tại trường tiểu học H) vừa là hàng xóm, bà A biết việc bà D không có con, nên nhận nuôi con nuôi. Việc nhận nuôi con nuôi của bà D vào thời điểm tháng 10/2015 và chấm dứt trên thực tế khoảng tháng 12/2015. Tại đơn khiếu nại của bà A ngày 09/9/2016 khiếu nại quyết định buộc thôi việc (BL 54, 55) thể hiện nội dung: Ban giám hiệu trường tiểu học H cố tình bao che cho bà D hưởng không

chế độ thai sản nhận nuôi con nuôi; Tại Bản tự khai ngày 08/02/2017 (BL 19) của bà A có nội dung: *“Sau khoảng 02 tháng vào buổi chiều tôi đi dạy về (Khoảng 5 giờ chiều) tôi thấy có xe đậu trước nhà bà D, trong nhà có to tiếng cãi cò với bà D ... Cãi om sòm đối với đứa bé mà bà D đang nuôi, tôi nghe có cãi vã về tiền bạc gì đó, tôi nghe được 60.000.000đồng do nhóm người đó nói với bà D. Từ đó tôi không nghe tiếng khóc em bé ở bên nhà bà D nữa...”*

Như vậy, nếu không tính đến tình tương thân thương ái giữa đồng nghiệp, hàng xóm với nhau, thì sau thời gian gần 09 tháng, bà A mới làm đơn gửi Công an xã P để trình báo việc cháu K mất tích không thể chỉ đơn thuần là trách nhiệm của một công dân trước pháp luật như bà A nêu lý do và Tòa án cấp sơ thẩm nhận định được.

II.3: Như trên đã đề cập, bà D trước sau đều xác định ngoài việc làm đơn trình báo, bà A còn phản ánh trước Hội đồng nhà trường về nội dung bà D làm khống hồ sơ và Nhà trường bao che để bà D nghỉ chế độ thai sản và hưởng chế độ bảo hiểm. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn yêu cầu, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm bà D đề cập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cụ thể như sau: Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 (Bút lục 01) bà D có yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải công khai xin lỗi và bồi thường thiệt hại, nhưng tại thông báo thụ lý vụ án số 08/2017/TB-TLVA ngày 06/02/2017 (bút lục 16) Tòa án sơ thẩm không thông báo yêu cầu của bà D buộc bị đơn công khai xin lỗi là thông báo không đầy đủ, bỏ sót yêu cầu của đương sự. Nếu trong trường hợp yêu cầu này của bà D không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 34 Bộ luật dân sự thì phải yêu cầu nguyên đơn sửa chữa bổ sung đơn khởi kiện theo quy định chung. Việc Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí là không đúng qui định của pháp luật; Vì theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bà D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bà D nộp số tiền 1.700.000đồng.

Như trên đã đề cập, bà D kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi phản ánh của bà A trước Hội đồng nhà trường về việc bà D làm khống hồ sơ hưởng chế độ thai sản, trong bản tự khai bà biên bản lấy lời khai bà D có đề cập đến việc do việc phản ánh của bà A bà đã bị Ban Giám hiệu, phòng giáo dục nhiều lần triệu tập bà D lên làm việc làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D cung cấp bản phô tô biên bản họp và xem xét kỷ luật (lần 3) về việc giáo viên vi phạm kỷ luật viên chức có nội dung liên quan đến việc giáo viên Mai Thị Ái làm hồ sơ giả xin nuôi con nuôi. Nhưng trong quá trình giải quyết các cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn, Ban giám hiệu trường tiểu học H và Phòng giáo dục huyện B cung cấp chứng cứ hoặc xác minh nội dung mà nguyên đơn đề cập là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Thiếu sót tòa án cấp sơ thẩm còn phải nêu ra để khắc phục là việc đính chính bản án phải có sự thảo luận thống nhất của hội đồng xét xử nhưng thẩm phán chủ tọa phiên tòa không thông qua ý kiến của các hội thẩm mà đính chính bản án là không đúng quy định tại Khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ phân tích trên, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án vụ án theo thủ tục chung.

Do tòa án cấp sơ thẩm thu ứng án phí của nguyên đơn không đúng nên được trả lại.

Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về án phí Dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn Bà Đỗ Thị D không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Đỗ Thị D;

Tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị D không phải chịu. Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Bhoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí 1.700.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018785 ngày 06/02/2017.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị D không phải chịu, Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện B hoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018984 ngày 10/8/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đình Loan

tòa

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Nguyễn Hữu Trí Hoàng Thanh Dũng

Hoàng Minh Thịnh

: